BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã số: 7510605
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.

PO2: Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vân đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

PO4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các

công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp/đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình tính toán định lượng, xử lý dữ liệu thống kê trong doanh nghiệp/đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức cốt lõi			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức các hoạt động kinh doanh	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các nguyên lý cơ bản của kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá tác động của các yếu tố thị trường đến cung, cầu hàng hóa và dịch vụ.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy, và hiệu quả họa động của doanh nghiệp.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh.	**3**
		PI 3.1: Áp dụng kiến thức về vận tải, giao nhận và quản lý kho hàng để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2: Áp dụng kiến thức về tài chính, nghiên cứu thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Quản trị Chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của doanh nghiệp.	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các yếu tố vật chất, kỹ thuật, kiến trúc, công nghệ sử dụng phục vụ cho hoạt động Logistics nhằm đáp ứng các xu hướng kinh doanh Logistics hiện đại.	4
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Hải quan và dịch vụ Logistics	**4**
		PI 4.1.02: Vận dụng quy tắc trị giá hải quan để xác định trị giá tính thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.	4
		PI 4.2.02: Phân tích quy tắc xuất xứ trong các hiệp định FTA để thiết lập hồ sơ hưởng ưu đãi thuế quan tối ưu.	4
Kỹ năng chung			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1 Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề về dịch vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2 Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành để thực hiện tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ về dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để nhận diện, xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh.	3
		PI 8.2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	3
9	**PLO9**	Tổ chức thực hiện nghiệp vụ vận hành kho, hoạt động vận tải, giao nhận hàng hóa và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong thực tế của doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.1: Thực hiện kỹ năng vận hành kho, tổ chức thực hiện hoạt động vận tải, giao nhận tại doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.2: Thực hiện kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.	**3**
		Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định nguồn hàng, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong chuỗi cung ứng.	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các quy trình trong thương mại điện tử, quản lý tồn kho và điều phối vận tải chặng cuối trên nền tảng công nghệ.	4
		Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)	
	PLO10.02	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực hải quan & dịch vụ Logistics	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS; kỹ năng tra cứu, xác định mã HS chính xác, và hợp đồng mua bán cho hàng hóa xuất nhập khẩu.	4
		PI10.2.02: Lập và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan, hồ sơ chứng nhận xuất xứ (C/O) và thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa đặc thù.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	2

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

+ Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;

+ Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;

+ Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;

+ Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;

+ Bộ phận giao nhận vận chuyển

+ Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;

+ Chuyên viên hiện trường, hải quan.

+ Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,

+ Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4		PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10		PLO 11	PLO 12
					01	02						01	02		
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.														
Mục tiêu cụ thể															
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.	x													
PO2	Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.		x	x	x	x									

PO3	Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.						x	x	x						
PO4	Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.									x	x	x	x		
PO5	Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.													x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *71 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *18 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	7. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*17*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001717	33. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 3 trong các học phần		*8*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 3				
003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	TM	2	(26,8,60)	
000566	35a. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001602	50a. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	1.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	1.54. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	1.55. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
001606	1.56a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	1.56b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	1.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	1.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Modun 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Mã số: 7510605

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội,

chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.

PO2: Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vân đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

PO4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp/đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình tính toán định lượng, xử lý dữ liệu thống kê trong doanh nghiệp/đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức cốt lõi			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức các hoạt động kinh doanh	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các nguyên lý cơ bản của kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá tác động của các yếu tố thị trường đến cung, cầu hàng hóa và dịch vụ.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy, và hiệu quả họa động của doanh nghiệp.	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh.	**3**
		PI 3.1: Áp dụng kiến thức về vận tải, giao nhận và quản lý kho hàng để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2: Áp dụng kiến thức về tài chính, nghiên cứu thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Quản trị Chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của doanh nghiệp.	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các yếu tố vật chất, kỹ thuật, kiến trúc, công nghệ sử dụng phục vụ cho hoạt động Logistics nhằm đáp ứng các xu hướng kinh doanh Logistics hiện đại.	4
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Hải quan và dịch vụ Logistics	**4**
		PI 4.1.02: Vận dụng quy tắc trị giá hải quan để xác định trị giá tính thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.	4
		PI 4.2.02: Phân tích quy tắc xuất xứ trong các hiệp định FTA để thiết lập hồ sơ hưởng ưu đãi thuế quan tối ưu.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1 Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề về dịch vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2 Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành để thực hiện tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ về dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để nhận diện, xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh.	3
		PI 8.2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	3
9	**PLO9**	Tổ chức thực hiện nghiệp vụ vận hành kho, hoạt động vận tải, giao nhận hàng hóa và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong thực tế của doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.1: Thực hiện kỹ năng vận hành kho, tổ chức thực hiện hoạt động vận tải, giao nhận tại doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.2: Thực hiện kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.	**3**
		Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định nguồn hàng, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong chuỗi cung ứng.	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các quy trình trong thương mại điện tử, quản lý tồn kho và điều phối vận tải chặng cuối trên nền tảng công nghệ.	4
		Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)	
	PLO10.02	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực hải quan & dịch vụ Logistics	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS; kỹ năng tra cứu, xác định mã HS chính xác, và hợp đồng mua bán cho hàng hóa xuất nhập khẩu.	4
		PI10.2.02: Lập và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan, hồ sơ chứng nhận xuất xứ (C/O) và thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa đặc thù.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	2

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

+ Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;

+ Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;

+ Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;

+ Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;

+ Bộ phận giao nhận vận chuyển

+ Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;

+ Chuyên viên hiện trường, hải quan.

+ Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,

+ Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4		PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10		PLO 11	PLO 12
					01	02						01	02		
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.														
Mục tiêu cụ thể															
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.	x													
PO2	Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải		x	x	x	x									

	quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.														
PO3	Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.						x	x	x						
PO4	Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.									x	x	x	x		
PO5	Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.													x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *71 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *18 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	7. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*19*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
000566	33. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 2 trong các học phần		*6*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				
003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	1.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	1.54. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	1.55. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
001606	1.56a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	1.56b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Module 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã số: 7510605
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội,

chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.

PO2: Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vân đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

PO4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp/đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình tính toán định lượng, xử lý dữ liệu thống kê trong doanh nghiệp/đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức cốt lõi			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức các hoạt động kinh doanh	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các nguyên lý cơ bản của kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá tác động của các yếu tố thị trường đến cung, cầu hàng hóa và dịch vụ.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy, và hiệu quả họa động của doanh nghiệp.	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh.	**3**
		PI 3.1: Áp dụng kiến thức về vận tải, giao nhận và quản lý kho hàng để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2: Áp dụng kiến thức về tài chính, nghiên cứu thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Quản trị Chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của doanh nghiệp.	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các yếu tố vật chất, kỹ thuật, kiến trúc, công nghệ sử dụng phục vụ cho hoạt động Logistics nhằm đáp ứng các xu hướng kinh doanh Logistics hiện đại.	4
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Hải quan và dịch vụ Logistics	**4**
		PI 4.1.02: Vận dụng quy tắc trị giá hải quan để xác định trị giá tính thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.	4
		PI 4.2.02: Phân tích quy tắc xuất xứ trong các hiệp định FTA để thiết lập hồ sơ hưởng ưu đãi thuế quan tối ưu.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kỹ năng chung			**Thang Dave**
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1 Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề về dịch vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2 Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành để thực hiện tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ về dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để nhận diện, xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh.	3
		PI 8.2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	3
9	**PLO9**	Tổ chức thực hiện nghiệp vụ vận hành kho, hoạt động vận tải, giao nhận hàng hóa và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong thực tế của doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.1: Thực hiện kỹ năng vận hành kho, tổ chức thực hiện hoạt động vận tải, giao nhận tại doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.2: Thực hiện kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.	**3**
		Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định nguồn hàng, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong chuỗi cung ứng.	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các quy trình trong thương mại điện tử, quản lý tồn kho và điều phối vận tải chặng cuối trên nền tảng công nghệ.	4
		Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)	
	PLO10.02	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực hải quan & dịch vụ Logistics	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS; kỹ năng tra cứu, xác định mã HS chính xác, và hợp đồng mua bán cho hàng hóa xuất nhập khẩu.	4
		PI10.2.02: Lập và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan, hồ sơ chứng nhận xuất xứ (C/O) và thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa đặc thù.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	2

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

+ Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;

+ Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;

+ Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;

+ Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;

+ Bộ phận giao nhận vận chuyển

+ Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;

+ Chuyên viên hiện trường, hải quan.

+ Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,

+ Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4		PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10		PLO 11	PLO 12
					01	02						01	02		
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.														
Mục tiêu cụ thể															
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.	x													
PO2	Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các		x	x	x	x									

	giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.														
PO3	Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.						x	x	x						
PO4	Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.									x	x	x	x		
PO5	Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.													x	x

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *71 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *18 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
001351	7. Xác suất thống kê	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
003283	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
002967	9. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**4**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	17. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*17*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 4 trong các học phần		*8*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 3				
000563	35b. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	TM	2	(26,8,60)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				
003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	153. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	154. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	155. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
001606	156a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	156b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**1.57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**1.58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Module 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long